

PHÁT TRIỂN VÀ QUẢN LÝ LIÊN KẾT HỌC THUẬT VIỆT - MỸ

TRẦN VĂN HIẾN*

TÓM TẮT

Trong 10 năm qua, số lượng các trường đại học Việt Nam (ĐHVN) liên kết với đại học (ĐH) Mỹ để đáp ứng nhu cầu giáo dục chất lượng cao theo tiêu chuẩn Mỹ càng ngày càng tăng ở Việt Nam. Hầu như các nhà quản lý giáo dục hai bên đều không biết rõ con đường đi đến một liên kết thành công phải ra sao. Để phát triển và quản lý một chương trình liên kết thành công, cả hai bên cần biết về điều kiện chấp nhận tín chỉ ĐH nước ngoài của ĐH Mỹ, về kiểm định chất lượng của ĐH Mỹ, sự khác biệt về chương trình đào tạo và quản lý trường, sự chuẩn bị cho chương trình liên kết, mục đích chung và thành quả.

Từ khóa: liên kết đào tạo Việt - Mỹ, tín chỉ đại học.

ABSTRACT

Developing and managing the academic cooperation between Vietnam and the USA

For the past 10 years, more and more Vietnamese higher education institutions have developed academic cooperation with their American ones to meet the high quality demand in Vietnam. It seems that both Vietnamese and American education managers have not clarified how to make the cooperation successful. To develop and manage a successful academic cooperation program, both partners need to know the American policy on higher education such as acceptance of foreign credits, accreditation of American universities, curricular and institutional management differences, preparation for cooperation, and common goals and outputs.

Keywords: training cooperation between Vietnam and the USA, university credit.

1. Đại học Mỹ chấp nhận tín chỉ từ đại học nước ngoài

ĐH Mỹ thường cho phép sinh viên Việt/nước ngoài chuyển tiếp những tín chỉ (môn học) từ ĐH Việt/nước ngoài vào văn bằng của họ khi những tín chỉ này được đánh giá là tương đương bởi một tổ chức thứ ba có uy tín. Sinh viên Việt có thể dùng sự cho phép này để tiết kiệm tiền bằng cách chuyển những tín chỉ với phí tổn thấp từ ĐHVN đến ĐH Mỹ.

Những điều lệ chấp nhận chuyển tiếp này được định nghĩa một cách rõ rệt

qua một tuyên bố chung của ba tổ chức quản lý giáo dục uy tín của Mỹ: AACRAO, American Council on Education và Council for Higher Education Accreditation như sau:

- ĐH Việt/nước ngoài phải có khả năng cấp bằng và được một đơn vị chính quyền cho phép. Ở Việt Nam, đơn vị đó thường là Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Tín chỉ được chuyển tiếp phải tương đương với tín chỉ của ĐH Mỹ về nội dung môn học và sự hấp thụ kiến thức từ người học.
- Mục đích học tập của sinh viên phải tương tự giữa môi trường học tập của ĐH Việt/nước ngoài và ĐH Mỹ.

* GS TS, Điều phối viên của Đại học Houston (Texas, Hoa Kỳ) trong hệ liên kết đào tạo với Trường ĐHSP TPHCM

Khi những cá nhân sinh viên tự chuyển tiếp đến ĐH Mỹ, họ thường buộc phải nhờ một tổ chức thứ ba đánh giá bằng điểm của họ. Tổ chức này là chuyên gia về giáo dục ĐHVN và có thể đề nghị sự tương đương của tín chỉ và bằng cấp từ ĐH Việt. Những tổ chức thứ ba thường được ĐH Mỹ sử dụng là:

- Academic Credentials Evaluation Institute
- Academic & Professional International Evaluations, Inc.
- American Education Research Corporation
- Educational Credential Evaluators, Inc.
- Educational Records Evaluation Service, Inc.
- International Education Research Foundation, Inc.
- World Education Services Application for Evaluation of Foreign Educational Credentials.

Đánh giá tín chỉ qua tổ chức thứ ba tốn rất nhiều thời gian, làm tăng sự phức tạp trong việc xin giấy nhập học từ ĐH Mỹ, thường làm sinh viên nản lòng và bỏ cuộc. Khi hai ĐH liên kết, ĐHVN trao trước cho ĐH Mỹ một danh sách những môn sẽ được chuyển tiếp để đánh giá sự tương đương, và những môn học này sẽ được ĐH đối tác Mỹ chấp nhận chuyển tiếp trong tương lai. Với mỗi môn học, ĐH Mỹ đánh giá bằng cấp của giáo sư phía Việt Nam, nội dung môn học, sách, đề cương môn học, môi trường và cơ sở vật chất cho giảng dạy, thang điểm và phương pháp giảng dạy, từ đó đề nghị số

tín chỉ và điểm tương đương. Những tiêu chuẩn đánh giá này thường là những tiêu chuẩn lấy từ những hiệp hội kiểm định chất lượng (HHKĐCL) Mỹ, do đó sự đánh giá của ĐH đối tác Mỹ chính xác hơn của tổ chức thứ ba. Qua chương trình liên kết, những rào cản từ tổ chức thứ ba được tháo gỡ và tạo điều kiện chuyển tiếp cho sinh viên. Mặc dù chương trình liên kết hiệu quả hơn, nhưng không có gì đảm bảo là những ĐH Mỹ khác sẽ chấp nhận sự đánh giá của ĐH đối tác Mỹ. Trong khi đó, đánh giá của tổ chức thứ ba được nhiều ĐH Mỹ công nhận hơn.

2. Kiểm định chất lượng tổng quát

Chất lượng là một danh hiệu được một HHKĐCL trao cho khi một ĐH hay một chương trình học được thẩm định là đạt hay vượt những tiêu chuẩn về chất lượng của hiệp hội. ĐH Mỹ tự nguyện (không hề bị bắt buộc) tìm đến những hiệp hội này. Đây là những hiệp hội chuyên nghiệp, phi chính phủ, phi lợi nhuận, tự tạo những tiêu chuẩn chất lượng cho chính mình. Hiệp hội có thể buộc ĐH Mỹ hủy chương trình liên kết khi chương trình không đạt tiêu chuẩn.

Có hai loại kiểm định: tổng quát (institutional accreditation) và chuyên ngành (specialized hay programmatic accreditation). Kiểm định tổng quát áp dụng cho cả ĐH và kiểm định chuyên ngành chỉ áp dụng cho một hay vài chuyên ngành của một ĐH. Để được xem là có chất lượng, ĐH Mỹ tối thiểu phải có được danh hiệu từ một HHKĐCL tổng quát (HHKĐCLTQ). Khi được kiểm định tổng quát, tất cả những chương trình,

khoa và nhóm khoa của ĐH sẽ được nhận danh hiệu này. Sau khi đạt được chất lượng tổng quát, một chương trình đào tạo, một khoa hay một nhóm khoa có thể tự nguyện xin kiểm định chuyên ngành để chứng tỏ với xã hội là chuyên ngành của mình có chất lượng cao hơn đòi hỏi tối thiểu của HHKĐCLTQ.

HHKĐCLTQ được chia làm hai nhóm: vùng (regional) và cả nước (national). Đại đa số ĐH nặng về học thuật của Mỹ được kiểm định bởi sáu HHKĐCLTQ vùng, và những hiệp hội này có tiêu chuẩn chất lượng học thuật cao nhất. Những thành viên của họ thường là những ĐH lâu đời, là công lập hay tư thục phi lợi nhuận, và nặng về học thuật. Sáu HHKĐCLTQ vùng được Bộ Giáo dục Liên bang công nhận là:

- **Middle States Association of Colleges and Schools** cho 524 ĐH ở Delaware, District of Columbia, Maryland, New Jersey, New York, Pennsylvania, Puerto Rico, U.S. Virgin Islands, Central America, Europe, và the Middle East

- **New England Association of Schools and Colleges** cho 244 ĐH ở Connecticut, Maine, Massachusetts, New Hampshire, Rhode Island, Vermont, Europe, Africa, Asia, và the Middle East

- **North Central Association of Colleges and Schools** cho 1033 ĐH ở Arizona, Arkansas, Colorado, Illinois, Indiana, Iowa, Kansas, Michigan, Minnesota, Missouri, Navajo Nation, Nebraska, New Mexico, North Dakota, Ohio, Oklahoma, South Dakota, West

Virginia, Wisconsin, Wyoming, và một số nơi trên thế giới

- **Northwest Association of Schools and Colleges** cho 157 ĐH ở Alaska, Idaho, Montana, Nevada, Oregon, Utah và Washington

- **Southern Association of Colleges and Schools** cho 804 ĐH ở Alabama, Florida, Georgia, Kentucky, Louisiana, Mississippi, North Carolina, South Carolina, Tennessee, Texas, Virginia, và Latin America

- **Western Association of Schools and Colleges** cho 207 ĐH ở California, Hawaii, Guam, American Samoa, Palau, Micronesia, Northern Marianas, Marshall Islands, và những nơi khác ở Australasian.

HHKĐCLTQ cả nước được gây dựng từ nhu cầu kiểm định chất lượng của các trường tư tìm lợi nhuận, dạy nghề hay dạy từ xa. Tiêu chuẩn về chất lượng của các HHKĐCLTQ cả nước thường không được chặt chẽ như của nhóm HHKĐCLTQ vùng, và bằng cấp và tín chỉ từ những ĐH được kiểm định bởi HHKĐCLTQ cả nước có thể không được các ĐH chất lượng vùng công nhận. Hai HHKĐCLTQ cả nước được Bộ Giáo dục Liên bang công nhận là:

- Distance Learning and Training Council cho 95 trường tư ở trên toàn đất nước Mỹ

- Accrediting Council for Independent Colleges and Schools cho 897 trường tư dạy nghề ở trên toàn nước Mỹ

Hai websites sau đây có thể được dùng để tìm xem một ĐH Mỹ có đạt được

kiểm định tổng quát hay không.

(1) U.S. Department of Education:
<http://ope.ed.gov/accreditation/Search.aspx>

(2) Council of Higher Education Agency:
<http://www.chea.org/search/default.asp>

3. Kiểm định chất lượng chuyên ngành

Kiểm định chất lượng chuyên ngành áp dụng cho một chương trình đào tạo, một khoa với nhiều chương trình hay

một nhóm khoa. Chất lượng chuyên ngành tạo nên một hình ảnh chất lượng cao hơn chất lượng tổng quát. Vì mọi công dân Mỹ đều được quyền tạo một hiệp hội mới, phi lợi nhuận, phi chính phủ, ở Mỹ có hàng trăm HHKĐCL chuyên ngành (HHKĐCLCN), và người bình thường rất khó biết hiệp hội nào có chất lượng cao. Sau đây là những HHKĐCLCN đáng tin cậy vì được Bộ Giáo dục Liên bang công nhận:

STT	TÊN GỌI
1.	AACSB International-The Association to Advance Collegiate Schools of Business (AACSB)
2.	ABET, Inc. (ABET, American Board of Engineering and Technology)
3.	Accreditation Council for Business Schools and Programs (ACBSP)
4.	Accreditation Council for Pharmacy Education (ACPE)
5.	Accreditation Review Commission on Education for the Physician Assistant, Inc. (ARC-PA)
6.	Accrediting Council on Education in Journalism and Mass Communications (ACEJMC)
7.	American Association for Marriage and Family Therapy
8.	American Association of Family and Consumer Sciences (AAFCS)
9.	American Board of Funeral Service Education (ABFSE)
10.	American Council for Construction Education (ACCE)
11.	American Culinary Federation's Education Foundation, Inc. (ACFEF)
12.	American Library Association (ALA)
13.	American Occupational Therapy Association (AOTA)
14.	American Optometric Association (AOA)
15.	Accreditation Council on Optometric Education (ACOE)
16.	American Physical Therapy Association (APTA)
17.	American Podiatric Medical Association (APMA)
18.	American Psychological Association (APA)
19.	American Society of Landscape Architects (ASLA)
20.	American Speech-Language-Hearing Association (ASHA)
21.	American Veterinary Medical Association (AVMA)

22.	Association of Technology, Management, and Applied Engineering (ATMAE)
23.	Aviation Accreditation Board International (AABI)
24.	Commission on Accreditation of Allied Health Education Programs (CAAHEP)
25.	Commission on Accreditation of Healthcare Management Education (CAHME)
26.	Commission on Opticianry Accreditation (COA)
27.	Council for Accreditation of Counseling and Related Educational Programs (CACREP)
28.	Council for Interior Design Accreditation (CIDA)
29.	Council on Accreditation of Nurse Anesthesia Educational Programs (CoA-NA)
30.	Council on Chiropractic Education (CCE)
31.	Council on Rehabilitation Education (CORE)
32.	Council on Social Work Education (CSWE)
33.	International Assembly for Collegiate Business Education (IACBE)
34.	International Fire Service Accreditation Congress Degree Assembly (IFSAC-DA)
35.	Joint Review Committee on Education Programs in Radiologic Technology (JRCERT)
36.	Joint Review Committee on Educational Programs in Nuclear Medicine Technology (JRCNMT)
37.	National Accrediting Agency for Clinical Laboratory Sciences (NAACLS)
38.	National Association of Schools of Public Affairs and Administration (NASPAA)
39.	National Council for Accreditation of Teacher Education (NCATE)
40.	National League for Nursing Accrediting Commission, Inc. (NLNAC)
41.	National Recreation and Park Association
42.	Council on Accreditation of Parks, Recreation, Tourism, and Related Professions (COAPRT)
43.	Planning Accreditation Board (PAB)
44.	Society of American Foresters (SAF)
45.	Teacher Education Accreditation Council, Inc. (TEAC)

Tóm tắt và chi tiết của mỗi HHCĐCLCN có thể tìm được ở website của Council of Higher Education Agency và website của hiệp hội.

Trong một chuyên ngành như quản trị kinh doanh, ĐH có thể lựa chọn kiểm định từ một trong ba hiệp hội: AACSB International, ACBSP và IACBE. Khi muốn biết hiệp hội nào có tiêu chuẩn cao nhất, ĐHVN cần phải tham khảo website của mỗi hiệp hội xem hội nào có nhiều trường nổi tiếng tham gia. Hội với nhiều trường nổi tiếng nhất là hội có tiêu chuẩn cao nhất như AACSB. Những ĐH Mỹ nổi tiếng thường cũng là những ĐH có chương trình tiến sĩ về chuyên ngành.

4. Khác biệt về chương trình đào tạo và quản lý trường

Sự khác biệt về chương trình đào tạo của Việt Nam và Mỹ là đáng kể. Ở trình độ cử nhân, bằng Việt và Mỹ đều là bằng 4 năm.

Chừng 2/3 chương trình Mỹ là những môn chuyên ngành và phần còn lại là những môn học đại cương như tiếng Anh, khoa học, nhân văn và nghệ thuật, toán và khoa học xã hội. Chừng 4/5 chương trình Việt là những môn chuyên ngành và phần còn lại là những môn đặc thù về Việt Nam như giáo dục quân sự, và khoa học xã hội với sự nhấn mạnh vào vai trò của chủ nghĩa xã hội trong sự thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cơ hội chuyển tiếp phụ thuộc vào khối môn chuyên ngành của hai hay ba năm đầu của ĐHVN.

Ở trình độ thạc sĩ, bằng Việt và Mỹ đều là bằng hai năm. Bằng Mỹ thường

không đòi luận văn trong khi bằng Việt đòi hỏi điều đó. ĐH Mỹ nhận rất ít những tín chỉ chuyển tiếp và đòi hỏi thí sinh thi môn kiến thức tổng quát GRE (graduate record examination) hay GMAT (Graduate Management Aptitude Test). Sinh viên Việt với khả năng tiếng Anh thấp thường gặp nhiều khó khăn khi thi hai môn này. Hai lí do trên đưa đến liên kết Việt Mỹ khá hiếm ở trình độ thạc sĩ, nhất là với những trường có kiểm định tổng quát vùng và có kiểm định chuyên ngành cao.

Ở trình độ tiến sĩ, bằng Việt nặng về nghiên cứu và có ít môn học hơn bằng Mỹ. Vì ĐH Mỹ chỉ nhận những sinh viên với khả năng tiếng Anh và điểm GRE/GMAT thật cao, liên kết Việt Mỹ ở trình độ tiến sĩ hầu như không có, nhất là với những trường có kiểm định tổng quát vùng và kiểm định chuyên ngành cao.

Về quản lý trường, ĐH Mỹ có nhiều tự do trong tuyển sinh và có thể nhận nhiều sinh viên khi họ có đủ khả năng phục vụ.

Trong khi đó, ĐHVN chỉ có thể nhận sinh viên theo chỉ tiêu của Bộ. Kể đến, ĐH Mỹ có nhiều tự do trong việc kí kết với đối tác nước ngoài với điều kiện là cả hai bên tuân theo tiêu chuẩn chất lượng của HHCĐCL. Còn về phía VN, ĐH học thường phải được phép của Bộ để thực hiện các chương trình liên kết với đối tác nước ngoài. Do đó, ĐH Mỹ nên kiên nhẫn khi làm việc với ĐHVN vì thủ tục xin giấy phép có thể rườm rà và mất thời gian.

5. Chuẩn bị cho chương trình liên

kết

Để có một sự chuẩn bị kỹ, ĐHVN cần có:

- Giám đốc chương trình quốc tế hay một nhà tư vấn lưu loát tiếng Anh, và hiểu biết nhiều về chương trình đào tạo và kiểm định chất lượng ĐH Mĩ.

- Trung tâm giảng dạy tiếng Anh có thể giúp sinh viên nâng cấp tiếng Anh nhanh chóng.

- Một nhóm giáo sư có khả năng dạy những môn chuyên tiếp bằng tiếng Anh và có bằng cấp tương đương với giáo sư Mĩ.

- Quyết tâm thành công bằng cách tuân theo mọi tiêu chuẩn chất lượng của HHKĐCL Mĩ.

- Chương trình liên kết cấp bằng được chính quyền cho phép với nhiều môn học có thể chuyển tiếp hay chương trình nước ngoài được Bộ công nhận.

- Cơ sở vật chất đáp ứng cho chương trình liên kết.

- Tài chính để trả những chi phí cao liên quan đến chương trình quốc tế.

- Khả năng tiếp thị tốt để quảng bá chương trình liên kết đến sinh viên, phụ huynh và nhân viên của Bộ ngoại giao Mĩ tại Việt Nam, vì sự ủng hộ của Bộ ngoại giao Mĩ rất quan trọng trong sự thành công của chương trình.

Để có một sự chuẩn bị kỹ, ĐH Mĩ cần có:

- Kiểm định chất lượng: Vì tín chỉ và bằng cấp của ĐH Mĩ có kiểm định tổng quát vùng được công nhận và chuyển tiếp ở mọi nơi tại Mĩ, nó sẽ an toàn cho ĐHVN có liên kết “học thuật” (academic

training) với những ĐH này. Khi có nhiều lựa chọn, ĐHVN nên chọn ĐH Mĩ có kiểm định chuyên ngành cao. Nếu ĐHVN muốn có liên kết dạy nghề (vocational training), kiểm định tổng quát cả nước có thể chấp nhận được.

- Giám đốc chương trình quốc tế hay nhà tư vấn giáo dục quốc tế am hiểu về kiểm định chất lượng và hệ thống giáo dục Việt, chịu đi lại Việt Nam để làm công tác kiểm định, nói chuyện với sinh viên/phụ huynh, và nhân viên của Bộ ngoại giao Mĩ, vì sự ủng hộ của Bộ ngoại giao rất quan trọng trong sự thành công của chương trình.

- Nhóm nhân viên tuyển sinh sinh viên quốc tế biết cách làm việc để có thể cấp giấy nhập học nhanh chóng cho những sinh viên trong chương trình khi chuyển tiếp.

- Bộ máy hành chính quyết tâm thành công trong hợp tác quốc tế và chịu thay đổi để đáp ứng với môi trường quốc tế đa dạng và phức tạp.

6. Mục đích và thành quả

Mục đích của chương trình liên kết học thuật khá đa dạng, từ một vấn đề đơn giản như kêu gọi sự giúp đỡ của ĐH Mĩ trong việc giảng dạy bằng tiếng Anh cho một số môn học, đến một vấn đề phức tạp như ĐH Mĩ cấp bằng cho sinh viên Việt học tại Việt Nam.

(i) Trợ giúp giảng dạy một số môn bằng tiếng Anh: đây là mục đích đơn giản nhất, ĐHVN cần tư vấn trong việc giảng dạy bằng tiếng Anh cho một số môn, tư vấn về nội dung môn học, trình độ bằng cấp và tiếng Anh của giáo sư,

môi trường giảng dạy, v.v.

(ii) Chuyển tiếp tín chỉ không có van an toàn (Safety Valve): mục đích này cao hơn mục đích trên vì nó liên quan đến việc chuyển tiếp tín chỉ qua ĐH Mĩ. Khi theo đuổi một chương trình liên kết, không có gì bảo đảm cho người học là họ sẽ được qua Mĩ học những môn còn lại và nhận bằng từ phía Mĩ. Van an toàn trao cho người học cơ hội nhận được một văn bằng tương đương từ ĐHVN sau khi học hết những phần còn lại ở Việt Nam. Khi không có van an toàn, người học cần biết điều này để họ chấp nhận rủi ro khi không đi Mĩ được.

(iii) Chuyển tiếp tín chỉ có van an toàn: đây là một mục đích cao hơn những mục đích trên, vì người học được chuyển tiếp và có van an toàn.

(iv) ĐH Mĩ cấp bằng cho sinh viên học tại Việt Nam: mục đích này cao hơn mọi mục đích trên, vì sinh viên Việt học và nhận bằng của ĐH Mĩ tại Việt Nam.

Tùy theo mục đích, ĐHVN và Mĩ có thể có những hợp đồng ràng buộc hai bên với nhau như:

Khi không có chuyển tiếp tín chỉ từ ĐHVN qua ĐH Mĩ, hai bên có thể kí một hợp đồng tư vấn trong đó ĐH Mĩ sẽ tư vấn ĐHVN về chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy một số môn học bằng tiếng Anh để những môn này được coi là tương đương với những môn của ĐH Mĩ về nội dung. Vì không có chuyển tiếp, HHKĐCL Mĩ sẽ không màng đến những hợp đồng này.

Khi có chuyển tiếp nhiều tín chỉ, cả hai ĐHVN và Mĩ phải cố gắng và chứng

minh là tín chỉ từ ĐHVN tương đương về nội dung và kết quả học tập với ĐH Mĩ. Hai ĐH có thể liên kết một cách bán chính thức hay chính thức.

Với phương thức bán chính thức, hai bên không cần kí kết một hợp đồng có nhiều ràng buộc để tránh sự kiểm tra từ HHKĐCL Mĩ. Chi phí kiểm tra chất lượng thường rất cao, và chương trình liên kết có thể bị hủy ngay lập tức nếu không đạt tiêu chuẩn. Nếu phía ĐH Mĩ làm việc nghiêm túc trong việc đánh giá sự tương đương của tín chỉ từ phía ĐHVN, ĐH Mĩ có thể nhận những tín chỉ tương đương này tương tự như nhận tín chỉ theo đề nghị của tổ chức thứ ba. Minh chứng đơn giản nhất về sự chấp nhận tín chỉ từ ĐHVN là **thư chấp nhận tín chỉ nước ngoài (letter of acceptance of foreign credits)** từ văn phòng tuyển sinh quốc tế của ĐH Mĩ, nơi liệt kê ra những môn sẽ được chấp nhận. Một chứng từ khác là **bản tuyên bố chung (Joint Statement)** của hai ĐH là hai bên độc lập với nhau, nhưng đồng ý chỉnh sửa chương trình và môn học để tín chỉ hai bên tương đương về nội dung và kết quả học tập, tạo điều kiện thuận lợi cho sự chuyển tiếp hai chiều.

Liên kết bán chính thức hữu hiệu nhất là khi ĐHVN có chương trình đào tạo với van an toàn. Khi không đến Mĩ được vì bất cứ lí do gì, sinh viên vẫn có thể hoàn tất chương trình học và nhận bằng từ ĐHVN. Khi thiếu van an toàn, sinh viên phải chuyển tiếp đến một ĐH nước ngoài tại Việt Nam như Royal Melbourne Institute of Technology (Úc)

hay Troy University (Mỹ), và chưa hẳn những ĐH này sẽ nhận hết mọi tín chỉ từ chương trình liên kết.

Liên kết chính thức đòi hỏi hai bên kí một **hợp đồng liên kết (articulation agreement)** và liệt kê rõ tín chỉ nào chuyển tiếp được, ĐH nào dạy gì, đề cương môn học ra sao, giáo sư có bằng cấp như thế nào, phòng thí nghiệm ra sao... Loại hợp đồng này thường phải được Bộ cho phép đối với những ĐH không thuộc hai khối ĐH Quốc gia Hà Nội và TPHCM. Thêm vào đó, ĐHVN và Mỹ phải làm việc nghiêm túc bằng cách tuân theo mọi tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của HHKĐCL Mỹ. Những tiêu chuẩn này được liệt kê đầy đủ trong bài in tên “Principles of Accreditation”. Khi không tuân theo những tiêu chuẩn kiểm định, HHKĐCL có thể buộc ĐH Mỹ hủy bỏ hợp đồng.

Những ĐH Mỹ muốn dạy và cấp bằng tại Việt Nam thường lệ thuộc hoàn toàn vào ĐHVN trong việc xin giấy phép từ nhiều Bộ. Xin phép mở ĐH nước ngoài ở Việt Nam là một việc rất phức tạp và chỉ có người trong nước mới biết đường đi nước bước. ĐH Mỹ phải được giấy phép ít nhất từ hai Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư. Thêm vào đó, chương trình phải tuân theo mọi tiêu chuẩn của chương trình Mỹ ở nước ngoài của HHKĐCL. Vì gặp nhiều khó khăn từ hai phía Việt Mỹ, chương trình đào tạo và cấp bằng của ĐH Mỹ tại Việt Nam khá hiếm và nhỏ, nhất là từ những ĐH có kiểm định tổng quát vùng.

Sau đây là một số ví dụ về chương trình liên kết với ĐH Mỹ có kiểm định tổng quát vùng:

- ĐH Kinh tế Tài chính TPHCM (UEF) có một hợp đồng liên kết 2+2 với ĐH Missouri-St. Louis (không có van an toàn). Dựa vào hợp đồng 2+2 này, ĐH Houston - Victoria kí một tuyên bố chung với UEF để nhận sinh viên chuyển tiếp từ UEF. ĐH Houston - Victoria dùng tuyên bố chung vì muốn tránh trách nhiệm kiểm soát chất lượng và để ĐH Missouri nhận lấy trách nhiệm này.

- Trung tâm Đào tạo Quốc tế (CIE) là một trung tâm không có khả năng cấp bằng của ĐH Quốc gia TPHCM, có nhiều hợp đồng liên kết (không có van an toàn) với nhiều ĐH Mỹ, Úc và Anh.

- Đại học Quốc tế TPHCM (ĐHQT) có một hợp đồng liên kết 2+2 với ĐH Houston (có van an toàn). Tuy nhiên ĐHQT có thể kí tuyên bố chung vì họ có chương trình cử nhân riêng của họ.

- ĐH Hawaii có chương trình dạy và cấp bằng Executive MBA tại VN với ĐHQT.

- Hệ thống ĐH cộng đồng Houston (HCCS) có một hợp đồng khá đặc biệt với Saigon Tech Institute về hai chuyên ngành: quản trị kinh doanh và công nghệ thông tin. Sinh viên Saigon Tech học tại Việt Nam và nhận bằng cao đẳng từ HCCS.

- Troy University (Troy, Alabama) có chương trình cử nhân và MBA với Saigon Technology University và ĐH Quốc gia Hà Nội. Sinh viên học tại Việt Nam và nhận bằng từ Troy.

Sau đây là một số ví dụ về chương trình liên kết với ĐH Mỹ có kiểm định tổng quát cả nước:

- Griggs University (Silver Spring, Maryland) có chương trình cử nhân và MBA với ĐH Quốc Gia Hà Nội. Sinh viên học tại Việt Nam và nhận bằng từ Griggs.

- Columbia Southern University (Orange Beach, Florida) có chương trình cao đẳng, cử nhân và MBA với một tổ chức tên là Hội Khuyến học Việt Nam, Hà Nội. Sinh viên học tại Việt Nam và nhận bằng từ Columbia Southern.

7. Lời kết

Năm 2011, ông Warren Buffett - tỉ phú đứng thứ ba trên thế giới về sự giàu

có và cũng là người quản lý tài chính nổi danh nhất của Mỹ, có lời khuyên về sự thành công trong đầu tư: “Tôi chỉ đầu tư những gì tôi có thể thấu hiểu được”. Nhà quản lý giáo dục Việt Mỹ nên theo lời khuyên của ông Buffett trong việc phát triển và quản lý chương trình liên kết học thuật bằng cách tìm hiểu xem ĐH Mỹ chấp nhận tín chỉ nước ngoài như thế nào, kiểm định chất lượng của ĐH Mỹ ra sao, đâu là sự khác biệt về chương trình đào tạo và quản lý ĐH Mỹ - Việt, phải làm gì cho chương trình liên kết để hướng tới mục đích chung và đạt thành quả như mong muốn. Khi hiểu rõ vấn đề và làm việc nghiêm túc, chương trình liên kết sẽ có cơ hội thành công nhiều hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. AACSB International: <http://www.aacsb.edu/accreditation/>
2. Council of Higher Education Agency: <http://www.chea.org/>
3. “Joint Statement on the Transfer and Award of Credit” by AACRAO, American Council on Education and Council for Higher Education Accreditation, Sep 28, 2001, http://tcp.aacrao.org/misc/joint_statement.php
4. The Principles of Accreditation, 2008 Edition, Southern Association of Colleges and Schools, Commission on Colleges.
5. U.S. Department of Education: <http://ope.ed.gov/>

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 01-9-2011; ngày chấp nhận đăng: 27-9-2011)